

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1883	638	631	614
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1713 (90.97%)	571 (89.5%)	559 (88.59)	583 (94.95)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	150 (7.97%)	58 (9.09%)	67 (10.62)	25 (4.07)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17 (0.9%)	8 (1.25%)	3 (0.48%)	6 (0.98%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.16%)	1 (0.16%)	2 (0.32%)	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1883	638	631	614
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	438 (23.26%)	136 (21.32%)	177 (28.05%)	125 (20.36%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1167 (61.98%)	392 (61.44%)	357 (56.58%)	418 (68.08%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	269 (11.29%)	105 (16.46%)	96 (15.21%)	68 (11.07%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0.478%)	5 (0.78%)	1 (0.16%)	3 (0.49%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1883	638	631	614
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1266 (99.763%)	635 (99.53%)	631 (100%)	
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.473%)	1 (0.16%)	5 (0.79%)	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		134 (21%)	169 (26.78%)	124 (20.2%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	417 (67.92%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.473%)	5 (0.784%)	1 (0.158%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.236%)	3 (0.47%)	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/8	0/1	3/3	0/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.266%)	1 (0.157%)	4 (0.634%)	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	14			14

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				614
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				614 (100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	552/613			90%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	912/971	315/323	317/314	280/334
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	175	59	62	54

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Đức Tín